

Số: /2021/NQ-ĐHĐCĐ

Phú Yên, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản cuộc họp đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên ngày .../.../2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, gồm:

1. Các báo cáo:

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, như sau:

2.1. Về kế hoạch hoạt động sản xuất nước sạch năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
01	Sản lượng nước sản xuất	1.000 m ³	15.150
02	Sản lượng nước tiêu thụ	1.000 m ³	12.200
03	Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch	%	19,5
04	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr. đồng	123.200
05	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	22.000
06	Nộp ngân sách	Tr. Đồng	11.000
07	Tỷ lệ chia cổ tức	%	5,5

Các chỉ tiêu chính để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 gồm các chỉ tiêu tại mục: 04, 05, 06, 07 tại bảng trên.

2.2. Về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021 như sau:

a. Kế hoạch vốn dự kiến: **336.065 triệu đồng**, trong đó:

+ Vốn góp cổ đông: 69.590 triệu đồng.

+ Vốn Đầu tư phát triển và nguồn vốn khác: 266.475 triệu đồng.

b. Danh mục đầu tư phát triển năm 2021:

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2021 (tr.đồng)		Ghi chú
					Vốn góp Cổ đông	Vốn đầu tư phát triển và vốn vay	
I.	Dự án chuyển tiếp từ năm 2020			420.335	69.590	222.255	
1	Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000 m ³ /ngày đêm lên 8.000 m ³ /ngày đêm: - Đầu tư tuyến ống phía Bắc. - Cải tạo công nghệ nhà máy.	Thị xã Sông Cầu	2017-2021	30.000	29.590		
2	Dự án đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900 m ³ /ngày đêm lên 10.000 m ³ /ngày đêm (Phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến năm 2025: 5.000 m ³ /ngđ; giai đoạn đến năm 2030: 10.000 m ³ /ngđ)	Thị xã Sông Cầu	2020-2021	110.000	40.000	40.000	
3	Khảo sát, nghiên cứu, lập đề xuất Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Nam Phú Yên, CS 100.000 m ³ /ngày đêm, GD1: 50.000 m ³ /ngày đêm: Công tác chuẩn bị đầu tư (FS)	Khu kinh tế Nam Phú Yên	2020-2021			2.000	

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2021 (tr.đồng)		Ghi chú
					Vốn góp Cổ đông	Vốn đầu tư phát triển và vốn vay	
4	Xây dựng hệ thống cấp nước cho thị trấn Phú Thứ sử dụng nguồn nước nhà máy nước Phú Hòa	Thị trấn Phú Hòa - huyện Phú Hòa và thị trấn Phú Thứ - huyện Tây Hòa	2020-2021	15.000		15.000	
5	Dự án cải tạo, nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Tuy Hòa, gồm: cải tạo bể lọc, trạm bơm 2; đầu tư mới kết hợp cải tạo tuyến ống chuyển tải và phân phối	Tp. Tuy hòa và khu vực lân cận	2020-2022	170.000		100.000	
6	Mái che cho khu xử lý nước Bình Ngọc và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, công suất 130kWh	Thành phố Tuy Hòa	2020-2021	7.000		1.000	
7	Cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước Chí Thạnh và mở rộng hệ thống đường ống công suất 15.000 m ³ /ng.đ, giai đoạn 1 (đến năm 2025): 9.000 m ³ /ng.đ	Huyện Tuy An	2020-2021	40.000		30.000	
8	Xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước xã Hoà Trị, huyện Phú Hoà	Xã Hoà Trị, huyện	2020-2021	9.000		9.000	

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2021 (tr.đồng)		Ghi chú
					Vốn góp Cổ đông	Vốn đầu tư phát triển và vốn vay	
		Phú Hoà					
9	Xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước cấp nước xã Hoà An, huyện Phú Hoà	Xã Hoà An, huyện Phú Hoà	2020-2021	5.000		5.000	
10	Di dời tuyến ống truyền tải nước sạch và tuyến ống cấp nước qua cầu Trần Hưng Đạo trên Quốc lộ 25	Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	2020-2021	14.000		12.000	
11	Di dời tuyến ống cấp nước D377 và các tuyến ống phân phối cấp nước - Phục vụ dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 25	thành phố Tuy Hòa và huyện Phú Hòa - tỉnh Phú Yên.	2020-2021	6.200		5.000	
12	Phát triển tuyến ống cấp nước khu dân cư thôn Bình Thạnh, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An.	thôn Bình Thạnh, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An.	2020-2021	3000		3000	
13	Nâng cấp phần mềm quản lý khách hàng và thiết kế phần mềm ghi thu tiền nước trên điện	Số 05 Hải Dương, TP Tuy	2020-2021	135		135	

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2021 (tr.đồng)		Ghi chú
					Vốn góp Cổ đông	Vốn đầu tư phát triển và vốn vay	
	thoại.	Hòa, tỉnh Phú Yên					
14	Cải tạo, thay thế một số tuyến cũ; thay đổi công nghệ, máy móc thiết bị cho các nhà máy	Tất cả các Nhà máy	2020-2021	11.000		120	
II.	Dự án đầu tư mới năm 2021			51.220		44.220	
1	Đầu tư phát triển mạng tuyến ống dịch vụ cấp nước một số khu vực Thị trấn Phú Hòa và một số xã lân cận.	Thôn Định Thắng 1 & 2, thôn Định Thọ 1, huyện Phú Hòa	2020-2021	5.500		5.500	
2	Đầu tư phát triển mạng tuyến ống dịch vụ cấp nước cho khu dân cư thôn Phú Lương, Phú Đa xã Hòa Tân Đông và Khu phố 2 phường Hòa Vinh thuộc huyện Đông Hòa.	Thôn Phú Lương, Phú Đa xã Hòa Tân Đông và Khu phố 2 phường Hòa Vinh thuộc huyện Đông Hòa	2020-2021	7.000		7.000	

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2021 (tr.đồng)		Ghi chú
					Vốn góp Cổ đông	Vốn đầu tư phát triển và vốn vay	
3	Đầu tư phát triển mạng tuyến ống dịch vụ cấp nước cho khu phố 1, phường Hòa Hiệp Trung, huyện Đông Hòa.	Khu phố 1, phường Hòa Hiệp Trung	2021	4.000		4.000	
4	Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước cho các hộ dân thôn Ngọc Phước 1 xã Bình Ngọc, TP. Tuy Hòa	Thôn Ngọc Phước 1 xã Bình Ngọc	2021	820		820	
5	Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước khu phố Phước Hậu 1, Phước Hậu 2, phường 9, Tp. Tuy Hòa.	Khu phố Phước Hậu 1, Phước Hậu 2, phường 9, TP. Tuy Hòa	2021	1.500		1.500	
6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở NMN Hòa Vinh	Trụ sở NMN Hòa Vinh	2021	500		500	
8	Phát triển tuyến ống cấp nước KDC thôn Phú Mỹ, thôn Hòa Bình, xã An Dân, huyện Tuy An.		2021	550		550	
9	Phân vùng giảm thất thoát	NMN Đồng Xuân	2021	500		500	
10	Cải tạo và phân vùng mạng lưới cấp nước nhà máy nước Hai Riêng, huyện Sông Hinh	Huyện Sông Hinh, tỉnh Phú	2021-2022	5.000		5.000	

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2021 (tr.đồng)		Ghi chú
					Vốn góp Cổ đông	Vốn đầu tư phát triển và vốn vay	
		Yên					
11	Thay thế tuyến ống chuyên tải nước sạch DN250 từ trạm bơm cấp II đến ngã ba Nguyễn Huệ và Trần Phú,	Huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên	2021-2022	5.000		5.000	
12	Phát triển tuyến ống cấp nước khu vực Trảng Sim thuộc thôn Thành Hội, xã Sơn Hà	Xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa	2021	1.850		1.850	
13	Phát triển tuyến ống cấp nước xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa	Xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa	2021-2022	12.000		5.000	
14	Phát triển tuyến ống cấp nước thôn Ngọc Lãng, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa	Thôn Ngọc Lãng, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa	2021	7.000		7.000	
TỔNG CỘNG (I)+(II)				471.555	69.590	266.475	
TỔNG CHI PHÍ SỬ DỤNG CHO NĂM 2021					336.065		

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm, giai đoạn 2021-2025:

3.1. Kế hoạch hoạt động sản xuất nước sạch:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu qua các năm					Tổng	Tăng trưởng BQ/năm
			2021	2022	2023	2024	2025		
I	Nước sản xuất								
1	Sản lượng nước sản xuất	1.000 m ³	15.150	15.900	18.000	18.800	19.600	87.450	890 m ³ /năm
2	Tỷ lệ tăng trưởng	%		5,0%	13,2%	4,4%	4,3%		6,7%
II	Nước tiêu thụ								
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	1.000 m ³	12.200	13.000	14.900	15.800	16.700	72.600	900 m ³ /năm
2	Tỷ lệ tăng trưởng	%		6,0%	15,0%	6,0%	6,0%		8,3%
III	Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch	%	19,5%	18,0%	17,0%	16,0%	15,0%		

3.2. Các chỉ tiêu tài chính:

TT	Các chỉ tiêu tài chính	Đvt	Giai đoạn 2021-2025					Cộng
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
01	Doanh thu và thu nhập	tỷ đồng	123,20	147,21	184,49	195,64	226,82	877,36
	<i>Sản xuất nước</i>	<i>tỷ đồng</i>	110,00	141,70	178,65	189,44	220,26	840,04
	<i>Doanh thu và thu nhập khác</i>	<i>tỷ đồng</i>	13,20	5,51	5,84	6,19	6,56	37,31
02	Lợi nhuận	tỷ đồng	22,00	8,58	(0,59)	(4,23)	16,15	41,92
	<i>Sản xuất nước</i>	<i>tỷ đồng</i>	13,50	8,03	(1,17)	(4,85)	15,49	31,01
	<i>Hoạt động khác</i>	<i>tỷ đồng</i>	8,50	0,55	0,58	0,62	0,66	10,91
03	Vốn điều lệ	tỷ đồng	383,98	383,98	383,98	383,98	383,98	383,98
04	Tỷ lệ chia cổ tức	%	5,5%	1,0%	1,0%	1,0%	1,5%	10,00%

3.3. Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản:

- Tổng mức đầu tư các dự án: **3.245,96 tỷ đồng;**

- Tổng nhu cầu vốn của giai đoạn 2021-2025: **1.463,35 tỷ đồng;**

Trong đó:

+ Vốn góp cổ đông, huy động khác: 819,59 tỷ đồng;

i) Vốn góp cổ đông đã huy động: 69,59 tỷ đồng;

ii) Vốn huy động khác: 750,00 tỷ đồng;

+ Vốn của doanh nghiệp và vốn vay: 643,76 tỷ đồng.

* Nguồn vốn huy động khác (**750,00 tỷ đồng**) là vốn để đối ứng thực hiện dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nam Phú Yên.

(Chi tiết Danh mục dự án tại bản Kế hoạch SXKD 05 năm, giai đoạn 2021-2025 kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Quyết định các nội dung trình ĐHCĐ thường niên năm 2021 như sau:

2.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021:

a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

Stt	Diễn giải	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2020	đồng	21.000.000.000	23.204.771.192
2	Nộp thuế TNDN năm 2020	đồng		2.148.140.751
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2020			21.056.630.441
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%)	đồng		1.052.831.522
5	Lợi nhuận còn lại sau trích quỹ năm 2020	đồng		20.003.798.919
6	Lợi nhuận còn tích lũy năm trước (bao gồm lợi nhuận được ưu đãi thuế năm 2016, 2017 và năm 2019)	đồng		7.159.778.933
6.1	Lợi nhuận còn tích lũy năm trước			463.531.134
6.2	Lợi nhuận do được miễn thuế TNDN đối với lĩnh vực XHH			6.696.247.799
	<i>Năm 2016</i>			<i>554.625.049</i>
	<i>Năm 2017</i>			<i>2.540.708.970</i>
	<i>Năm 2019</i>			<i>3.600.913.780</i>
7	Chi trả cổ tức	đồng		
7.1	Tỷ lệ cổ tức	%		6%
7.2	Cổ tức phải chi trả	đồng		23.038.907.400
8	Lợi nhuận còn tích lũy (8=5+6-7.2)	đồng		4.124.670.452

Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Thời gian thực hiện: Quý III/2021.

b. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Theo kế hoạch kinh doanh của năm 2021, dự kiến kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

Stt	Diễn giải	Đvt	Kế hoạch
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2021	đồng	22.000.000.000
2	Nộp thuế TNDN năm 2021	đồng	2.300.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	đồng	19.700.000.000
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%)	đồng	985.000.000
5	Lợi nhuận còn lại tích lũy năm trước	đồng	4.124.670.452
6	Tỷ lệ cổ tức	%	5,5%
7	Cổ tức phải chi trả	đồng	21.118.998.450
8	Lợi nhuận còn để tích lũy (8)=(3)-(4)+(5)-(7)	đồng	1.720.672.002

2.2. Quyết toán tiền lương Trưởng Ban kiểm soát, thù lao của HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

a. Thực hiện năm 2020:

Đvt: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020
1	Tiền lương của Trưởng ban kiểm soát	277.200.000	291.060.000
2	Thù lao của TV HĐQT, TV Ban kiểm soát và Thư ký Công ty.	264.000.000	264.000.000
Tổng cộng			555.060.000

(Bằng chữ: Năm trăm năm mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng)

b. Kế hoạch năm 2021:

Đvt: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021
1	Tiền lương của Trưởng ban kiểm soát	277.200.000
2	Thù lao của TV HĐQT, TV Ban kiểm soát, Thư ký Công ty	360.000.000
Tổng cộng		637.200.000

2.3. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (lần thứ 05).

2.4. Miễn nhiệm kiểm soát viên nhiệm kỳ 2020-2025 đối với ông Nguyễn Thiện Thành.

Điều 3. Phê duyệt các nội dung trình ĐHCĐ thường niên năm 2021 như sau:

3.1. Danh sách Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 theo Tờ trình của Ban kiểm soát. Giao HĐQT lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán theo các tiêu chí do BKS đề nghị.

- 3.2. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 01.
- 3.3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- 3.4. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 4. Bầu bổ sung Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2020 – 2025:

Danh sách ứng viên bầu bổ sung Kiểm soát viên:

- Bà Đỗ Thị Kiều Trang;

Kết quả bầu cử bổ sung Kiểm soát viên:

.....

Điều 5: Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký.

Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên được thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Tổ CBTT;
- Lưu: ĐHĐCĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Tấn Thuận